

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ LƯƠNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2022

V/v Kiện xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư.

2. Ông Nguyễn Tuấn Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Đức Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Minh Tôn, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc Kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022.

**- Nguyên đơn:** Anh La Văn T, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Đăng ký HKTT tại xóm X, xã Y, huyện P, tỉnh T.

**- Bị đơn:** Chị Hồ Thị H, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Đăng ký HKTT tại xóm X, xã Y, huyện P, tỉnh T

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh La Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hồ Thị H năm 2018. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương tại nhà anh T, nhà chị H không tổ chức. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại xóm Cầu Đá (nay là xóm Xuân Thành), xã

Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019 do không hợp nhau, sau đó chị H tự ý bế con rời khỏi gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Chị H thỉnh thoảng có gọi điện thoại cho anh nhưng không nói ở đâu, sau đó lại thay số điện thoại mới. Hiện anh không biết chị H đang đi đâu, làm gì. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là La Ánh N, sinh ngày 26/4/2019. Vì con con bé nên anh nhất trí giao con cho chị H, anh tự nguyện cấp dưỡng cho chị H nuôi con chung 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, Thành phố Cần Thơ xác minh tại ấp Thạnh Phước 2, xã Trung Thạnh, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, là địa chỉ nhà mẹ đẻ của chị Hồ Thị H. Tại Phiếu đề nghị xác minh số 01/2022/ĐN-XM ngày 18/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, Công an xã Trung Thạnh cung cấp: Chị Hồ Thị H đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2015 đến nay không về địa phương.

Tại biên bản làm việc ngày 12/01/2022 với bà Ninh Thị Nga, sinh năm 1976, địa chỉ xóm Xuân Thành, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, là mẹ đẻ của anh La Văn T, ở cùng nhà với anh T, chị H, bà Nga cung cấp: Anh T và chị H kết hôn năm 2008, có tự nguyện tìm hiểu nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên, bà cũng chưa vào thăm gia đình bố mẹ đẻ của chị H. Nhà chị H cũng không tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị H sống cùng vợ chồng bà Nga tại xóm Cầu Đá (nay là xóm Xuân Thành), xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó vợ chồng anh T làm công ty tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên và phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng anh T có 01 con chung là La Ánh N, sinh ngày 26/4/2019. Vợ chồng mâu thuẫn, chị H đã bỏ đi từ tháng 2/2020 và mang theo con gái. Chị H vẫn thỉnh thoảng có liên lạc với anh T nhưng không cung cấp địa chỉ hiện đang sinh sống ở đâu. Chị H đi đâu, làm gì gia đình cũng không biết được.

Tại biên bản làm việc ngày 12/01/2022 và ngày 15/3/2022 với ông Ninh Văn Toàn, sinh năm 1986, là trưởng xóm Xuân Thành, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, ông Toàn cho biết: Chị Hồ Thị H là công dân của xóm Xuân Thành, xã Yên Lạc; có kết hôn với anh La Văn T, sinh năm 1997 là người cùng xóm. Năm 2018, anh T và chị H có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống một thời gian tại xóm Cầu Đá, xã Yên Lạc. Khoảng đầu năm 2020, vợ chồng mâu thuẫn và chị H có bỏ nhà đi mang theo con gái đi khỏi địa phương. Chị H đi đâu, làm gì ông không

xác định được. Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, và các thông báo, quyết định của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương để tổng đạt cho chị Hồ Thị H và niêm yết theo quy định. Ông đã đến nhà chị H để giao giấy tờ trên nhưng không gặp chị H nên ông đã giao cho gia đình và tiến hành niêm yết theo quy định.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/01/2022 và ngày 14/3/2022, Công an xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên cung cấp: Chị Hồ Thị H (có lý lịch nêu trên) hiện có đăng ký cư trú tại xóm Xuân Thành, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Hiện tại chị H không có mặt tại địa phương, chị H đi đâu, làm gì địa phương không xác định được.

Do chị H không có mặt tại địa phương, cố tình giấu địa chỉ, xác định việc niêm yết công khai không đảm bảo cho chị Hồ Thị H nhận được thông báo của Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã đề nghị Tòa soạn báo Công lý, Ban biên tập Trang thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông đa phương tiện đăng thông báo theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Kết thúc thời hạn đăng thông báo, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 52 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh La Văn T xin ly hôn chị Hồ Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Anh La Văn T được ly hôn chị Hồ Thị H

Về con chung: Giao con La Ánh N, sinh ngày 26/4/2019 cho chị Hồ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T cấp dưỡng cho chị H nuôi con chung 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Về án phí: Anh T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con và các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn chị Hồ Thị H có nơi cư trú tại xóm Xuân Thành, xã Yên Lạc huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179, điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị H vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh La Văn T và chị Hồ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 03/4/2018 của UBND xã Yên Lạc, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào điều Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, anh T được ly hôn với chị H là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là La Ánh N, sinh ngày 26/4/2019, anh T, gia đình và địa phương đều xác định khi bỏ đi chị H mang theo con chung. Con chung dưới 36 tháng tuổi cần tiếp tục giao cho chị H chăm sóc. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng là phù hợp, cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không cần Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương là phù

hợp, có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh La Văn T xin ly hôn chị Hồ Thị H.

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Điều 51, 56, 81, 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh La Văn T được ly hôn chị Hồ Thị H.

2. Về con chung: Giao con La Ánh N, sinh ngày 26/4/20193 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh La Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 0003284 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương, anh T còn phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Lạc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Ngọc Linh**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Ngự – Nguyễn Tuấn Trung**

**Phạm Ngọc Linh**